ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 212/BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 9 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 8516 Ngày: 21/9/17 Chuyển: ...

BÁO CÁO
Tổng kết thực hiện Luật Dân quân tự vệ năm 2009

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 26/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 1341/KH-BTM ngày 07/6/2017 của Bộ Tham mưu Quân khu 5 về Hội nghị tổng kết Luật Dân quân tự vệ năm 2009. Trên cơ sở kết quả tổng kết của các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị, Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tổng kết thực hiện Luật Dân quân tự vệ như sau:

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển miền Trung, có diện tích tự nhiên 5.135Km^2. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, Nam giáp tỉnh Bình Định, Tây giáp tỉnh Kon Tum, Đông giáp biển Đông. Hành chính chia thành 14 huyện, thành phố *(gồm 6 huyện, thành phố đồng bằng ven biển, 01 huyện trung du, 06 huyện miền núi, 01 huyện đảo)* với 184 xã, phường, thị trấn. Trong đó có 63 xã miền núi ở vùng sâu, vùng xa; 22 xã ven biển và 3 xã đảo, với dân số trên 1.306.955 người, gồm 15 dân tộc anh em sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm 88,4%, dân tộc thiểu số chiếm 11,6%.

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi triển khai, tổ chức thực hiện Luật dân quân tự vệ *(DQTV)* trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, an ninh chính trị được giữ vững, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường; đặc biệt khu kinh tế Dung Quất đã được Chính phủ quan tâm đầu tư xây dựng, nhà máy lọc hoá dầu đi vào hoạt động tốt đã đóng góp cho tỉnh một nguồn ngân sách khá lớn tạo đà cho kinh tế tỉnh nhà phát triển. Nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống yêu nước, ham học hỏi, lao động cần cù, sáng tạo. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được quan tâm đúng mức, đặc biệt là bảo đảm các chế độ, chính sách cho công tác DQTV. Các văn bản Quy phạm pháp luật về DQTV được ban hành đầy đủ, tạo cơ sở để triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở.

Tuy nhiên, Quảng Ngãi là một trong những tỉnh có điểm xuất phát nền kinh tế còn thấp, các nguồn lực tăng trưởng kinh tế còn hạn chế; giao thông đi lại khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, đời sống của một bộ phận nhân dân và lực lượng vũ trang còn khó khăn. Tình hình trên địa bàn tỉnh còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây ra mất ổn định về chính trị nổi lên là tranh chấp đất đai, ô nhiễm môi trường, khiếu kiện kéo dài. Tình hình tranh chấp biển Đông đã ảnh hưởng lớn đến đời sống đối với ngư dân trong tỉnh. Do đó đã tác động trực tiếp đến quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Luật DQTV. Lực lượng vũ trang tỉnh

nói chung, lực lượng DQTV nói riêng được cấp uỷ, chính quyền, các ban, ngành từ tỉnh, đến cơ sở luôn quan tâm chăm lo xây dựng về mọi mặt, từ xây dựng lực lượng đến huấn luyện, diễn tập và đạt được một số kết quả quan trọng sau đây:

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ *(từ 2010-2017)*

1. Kết quả đạt được

a) Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân quân tự vệ

Trên cơ sở Luật DQTV và các văn bản của Chính phủ, Bộ Quốc phòng, UBND tỉnh đã giao cho Bộ CHQS tỉnh tham mưu tổ chức Hội nghị quán triệt Luật DQTV cho cán bộ chủ trì từ tỉnh đến cơ sở và chỉ đạo phường Trần Phú/thành phố Quảng Ngãi xây dựng mô hình điểm tuyên truyền phổ biến Pháp luật DQTV ở cấp xã, đồng thời phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch hướng dẫn các đơn vị tuyên truyền pháp luật về DQTV. Tổ chức Hội thi tìm hiểu Pháp luật về DQTV ở cấp huyện, tỉnh, tham gia Hội thi cấp Quân khu đạt kết quả cao. Hiện nay, nhiều địa phương có cách làm sáng tạo về hình thức, phương pháp và qui mô tổ chức tuyên truyền như: lồng ghép thông qua các hoạt động phong trào của địa phương, hoạt động lễ hội truyền thống, sinh hoạt cộng đồng dân cư, hoạt động văn hoá văn nghệ...Do đó, công tác tuyên truyền pháp luật về DQTV có độ lan toả rộng khắp trong quần chúng nhân dân.

Chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp tổ chức tuyên truyền trên đài phát thanh và truyền hình, Báo Quảng Ngãi, các trang tin, chuyên mục Quốc phòng của lực lượng vũ trang tỉnh theo định kỳ và hàng ngày khi có các hoạt động liên quan.

Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện tương đối tốt Pháp Luật DQTV, tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục Luật DQTV trong thanh niên và nhân dân.

Các tài liệu pháp luật về DQTV được tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức cơ sở Đảng, lực lượng vũ trang và các thôn, tổ dân phố ... Nhiều hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật về DQTV cho nhân dân được áp dụng rộng rãi để mọi người dễ tiếp thu như: thông qua hoạt động của các lực lượng vũ trang về xây dựng, huấn luyện lực lượng DQTV, diễn tập, khắc phục hậu quả giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão... để tuyên truyền và được nhân dân hưởng ứng, tin tưởng góp phần vào nhiệm vụ hoạt động của lực lượng dân quân ở địa phương.

Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong việc tham gia xây dựng lực lượng DQTV được quan tâm. Hằng năm, cấp uỷ, chính quyền các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều chỉ đạo việc quán triệt, tuyên truyền sâu rộng luật DQTV trong cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân.

b) Quản lý nhà nước về dân quân tự vệ

Trên cơ sở Luật DQTV, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành. Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND ban hành 49 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện. Nổi lên là Đề án về chế độ, chính sách và quy định phân cấp bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV; Đề án tổ chức DQ trực bảo vệ trụ sở UBND cấp xã; Đề án đào tạo cán bộ Ban CHQS cấp xã; Kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và hoạt động của DQTV; ký kết, ban hành các quy chế, kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động của lực lượng DQTV với Công an, Kiểm lâm.

Hàng năm, các cấp uỷ, chính quyền và cơ quan, đơn vị đều ban hành nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ DQTV.

(Chi tiết tại phụ lục 1).

c) Đánh giá kết quả về tổ chức, xây dựng dân quân tự vệ

Lực lượng DQTV được xây dựng theo đúng Luật DQTV, có số lượng hợp lý. Tính đến nay toàn tỉnh đã xây dựng lực lượng DQTV ở 184/184 xã, phường, thị trấn; 151 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; quân số 19.015 đ/c, chiếm 1,45% so dân số toàn tỉnh, trong đó lực lượng dân quân 15.807 đ/c, chiếm 1,2% so dân số, tự vệ 3.208 đ/c chiếm 19% so với tổng số cán bộ *(công nhân, viên chức)*. Thực hiện tốt chế độ luân phiên trong lực lượng DQTV hàng năm đạt từ 20- 25% quân số theo quy định. Tổ chức biên chế đúng, đủ các thành phần lực lượng từ cấp thôn đến cấp tỉnh gồm Dân quân cơ động, DQTV tại chỗ, DQTV binh chủng, dân quân thường trực, DQ biển *(Cụ thể, lực lượng cơ động chiếm 33,16%; DQ biển chiếm 2,55%; DQ phòng không chiếm 3,06%; DQ pháo, cối chiếm 4,61%; DQ Công binh, Thông tin, Trinh sát, Y tế, Hoá học chiếm 20,17%; lực lượng DQTV chiến đấu tại chỗ chiếm 35%; lực lượng DQ thường trực chiếm 1,45% (so với tổng số DQTV);* 100% thôn, bản, khu phố có lực lượng DQ tại chỗ.

Các địa phương trong toàn tỉnh đã tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp, chú trọng nâng cao chất lượng chính trị của lực lượng DQTV. Đảng viên trong lực lượng DQTV tăng dần hàng năm: Đến nay tỷ lệ Đảng viên đạt 22% *(tăng 5% so với năm 2008, lực lượng DQ đạt 18,31%, lực lượng tự vệ đạt 41,15%)*, đoàn viên đạt 60,92% *(tăng 17,05%% so với năm 2008, lực lượng DQ đạt 61%, lực lượng TV đạt 58%),* quân nhân phục viên xuất ngũ đạt 11% *(so tổng số DQTV).* 100% xã, phường, thị trấn đều tổ chức chi bộ quân sự *(trong đó chi bộ có cấp uỷ đạt 66,3%).*

Đã củng cố, kiện toàn 184 Ban CHQS xã, phường, thị trấn và 66 Ban CHQS cơ quan, tổ chức, 100% Ban CHQS bổ nhiệm đủ cán bộ từ 04-05 đồng chí. Đội ngũ cán bộ hàng năm đều được tập huấn, huấn luyện.

(Chi tiết tại phụ lục 2).

d) Kết quả quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ quân sự Ban CHQS cấp xã, huấn luyện dân quân tự vệ

Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chủ động tổ chức 02 khoá đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở theo chương trình 73 *(Quyết định số 73/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2008)*, quân số 118 học viên; hoàn thiện 01 khoá /67 học viên Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở theo chương trình 73 từ chương trình 54 *(Quyết định số 54/2004/QĐ-BQP)*. Đã liên kết với Trường Chính trị tỉnh đào tạo bổ sung chương trình trung cấp lý luận chính trị, để người học ra trường có bằng trung cấp quân sự và trung cấp lý luận chính trị, tạo nguồn để phát triển cán bộ lãnh đạo cho địa phương.

Quy hoạch nguồn, chiêu sinh đi đào tạo cán bộ Ban CHQS cấp xã trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở theo Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Toàn tỉnh đã tuyển sinh được 143 lượt đ/c được đào tạo ở các trường của Bộ và Quân khu *(hiện đang đào tạo 100 đ/c, đã tốt nghiệp 43 đ/c)*.

Sau đào tạo đã bố trí Chỉ huy trưởng là 167/184 đồng chí *(đạt 89,67% qua đào tạo)*; Chỉ huy phó là 121/192 đồng chí *(đạt 63,02% qua đào tạo)*. Một số địa phương đào tạo thừa nguồn cán bộ nên sắp xếp tạm thời chức danh trung đội trưởng DQ cơ động, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, thôn đội trưởng và một số tổ chức thuộc ngành, đoàn thể ở cấp xã.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quân sự Ban CHQS cấp xã đã qua đào tạo có sự trưởng thành về mọi mặt, phát huy tốt vai trò làm tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương, công tác DQTV, giáo dục quốc phòng và an ninh; nhiều đồng chí đã phát triển lên cương vị cao hơn trong hệ thống chính trị ở cơ sở như Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND và một số chức danh thuộc cấp huyện.

Hàng năm Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo, tổ chức tập huấn, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ DQTV đảm bảo chất lượng, hiệu quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Đã tổ chức tập huấn, huấn luyện cho 100% đơn vị, cơ sở, quân số tham gia đạt từ 90-95%, lực lượng DQTV năm nhất, DQ thường trực huấn luyện 100% quân số, kết quả huấn luyện có 75% trở lên khá, giỏi. Tổ chức hội thi, hội thao chặt chẽ, đạt kết quả cao. Từ năm 2010 đến nay đã tổ chức 184 lớp, với 24.322 cán bộ tham gia tập huấn; tổ chức huấn luyện cho 100% cơ sở, với 112.381 lượt DQTV tham gia.

(Chi tiết tại Phụ lục 4).

đ) Kết quả hoạt động của dân quân tự vệ.

Ban CHQS các cấp căn cứ vào kế hoạch quy định cho từng cấp ở thời bình, chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ đúng quy định, phù hợp thực tế của địa phương, đơn vị và bảo đảm tính khả thi. Hệ thống kế hoạch của Ban Chỉ huy Quân sự các cấp được thông qua cấp uỷ, chính quyền cùng cấp ký xác nhận

và được Ban Chỉ huy Quân sự cấp trên phê duyệt để đủ căn cứ pháp lý trước khi triển khai thực hiện. Duy trì nghiêm chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác DQTV, giáo dục quốc phòng và an ninh; công tác đăng ký quản lý lưu trữ, bảo mật tài liệu thực hiện theo đúng quy định và chấp hành nghiêm chế độ báo cáo cho cấp trên, thông báo cho cấp dưới đúng thời gian quy định.

Hoạt động của DQTV thực hiện theo quy định từ Điều 31 đến Điều 36 của Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ *(nay là Nghị định số 03/2016/NĐ-CP)* về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật DQTV. Ngoài ra, lực lượng DQTV còn phối hợp với lực lượng Công an, Kiểm lâm trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 74/2010/NĐ-CP của Chính phủ *(nay là Nghị định số 133/2015/NĐ-CP)* quy định việc phối hợp của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

(Chi tiết tại phụ lục 5).

e) Kết quả thực hiện chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ.

Việc bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV luôn được cấp uỷ chính quyền địa phương các cấp, cơ quan, tổ chức quan tâm thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ, bảo đảm trang phục cho cán bộ, chiến sỹ DQTV kịp thời, đúng chế độ tiêu chuẩn; chế độ chính sách cho lực lượng DQTV khi tham gia huấn luyện, hoạt động được quan tâm đúng mức, chi trả đúng theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh qui định chế độ, chính sách và phân cấp chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015 *(nay là Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh về Chế độ, chính sách và phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi).*

Tổng kinh phí chi cho lực lượng DQTV từ năm 2010 đến tháng 6/2017 là 387.291.701.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 6).

2. Hạn chế

Việc tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về pháp luật DQTV ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa sâu; Có địa phương bước đầu triển khai thực hiện còn lúng túng. Công tác tuyên truyền về pháp luật DQTV cho toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa cao, biện pháp và hình thức để tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức Quốc phòng toàn dân, gắn với an ninh nhân dân chưa thật đa dạng, phong phú, có mặt còn hạn chế. Các cấp được phổ biến pháp luật DQTV và quy chế hoạt động, song việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo hoạt động chưa đồng bộ, chất lượng hoạt động của lực lượng DQTV một số huyện, xã đạt hiệu quả chưa cao.

Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở một số cơ quan, đơn vị chưa cao, nắm tình hình quản lý địa bàn có lúc, có nơi chưa chắc. Cấp uỷ Đảng, chính quyền ở một số địa phương nhận thức chưa thật sự đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của lực lượng DQTV. Lực lượng dân quân trực bảo vệ trụ sở UBND xã, phường, thị trấn ở một số nơi thực hiện nhiệm vụ chưa tốt, chưa chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức lực lượng phối hợp với các lực lượng khác kiểm tra, kiểm soát địa bàn có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Việc bảo quản sử dụng trang phục của dân quân ở cấp xã có nơi chưa tốt, vẫn có tình trạng sử dụng trang phục không đúng mục đích.

Phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền chưa đồng đều, đặc biệt là ở các xã miền núi, ven biển, vùng sâu, vùng xa trình độ dân trí còn ở mức thấp, giải quyết việc làm cho người lao động còn nhiều khó khăn, số công dân trong độ tuổi tham gia lực lượng dân quân phải vắng địa phương đi làm ăn xa, dài ngày ảnh hưởng đến công tác xây dựng lực lượng dân quân; có địa phương còn kết nạp lực lượng DBĐV đã biên chế sắp xếp ở các đơn vị DVĐV vào dân quân. Một số cơ quan, doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng lực lượng tự vệ.

Việc bố trí sử dụng cán bộ sau đào tạo chưa đúng theo quy định và mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Hiện còn một số địa phương chưa bố trí sử dụng cán bộ đã qua đào tạo ngành quân sự cơ sở và bố trí sử dụng không đúng chức danh cán bộ đã qua đào tạo. Thực hiện chưa nghiêm túc Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BQP-BNV ngày 10/4/2013 của liên Bộ Nội vụ - Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã, phường, thị trấn và Công văn số 1712-CV/TU ngày 20/3/2013 của Tỉnh uỷ về việc đẩy mạnh đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ sau đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 19 đồng chí Chỉ huy trưởng và 71 đồng chí Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã chưa qua đào tạo. Có địa phương thừa cán bộ đã qua đào tạo nhưng chưa chủ động bố trí sang địa phương khác chưa có cán bộ qua đào tạo trên địa bàn huyện công tác. Cấp huyện chưa chủ động đề xuất lộ trình đào tạo cán bộ Ban CHQS cấp xã, nguồn kế cận, nguồn bổ sung khi cán bộ Ban CHQS cấp xã phát triển lên cương vị cao hơn hoặc chuyển sang làm công tác khác. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 32 đồng chí đã qua đào tạo nhưng chưa bố trí sắp xếp đúng chức danh.

Kinh phí hỗ trợ ngày công cho lực lượng DQTV thực hiện nhiệm vụ còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội. Việc hỗ trợ kinh phí mua sắm công cụ hỗ trợ khi làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát địa bàn còn hạn chế. Bảo quản, sử dụng trang phục cho cán bộ, chiến sĩ DQTV nòng cốt phục vụ cho huấn luyện, diễn tập, SSCĐ ở một số đơn vị chưa đúng quy định.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của lực lượng DQTV ở các cấp còn hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Điều kiện kinh tế một số địa phương còn khó khăn nên số công dân trong độ tuổi dân quân đi làm ăn xa, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xây dựng, tập huấn, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân.

Đội ngũ cán bộ quản lý tự vệ ở các đơn vị chủ yếu là cán bộ chủ chốt kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều nên ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của lực lượng tự vệ.

b) Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của một số cấp uỷ, cán bộ chủ trì ở một số địa phương, cơ sở và các ngành, đoàn thể còn xem nhẹ, triển khai thực hiện chưa đồng bộ, trong lãnh đạo, chỉ đạo có lúc có nơi thiếu kiểm tra chấn chỉnh kịp thời. Việc tổ chức tuyên truyền chưa sâu rộng, nhận thức của các tổ chức kinh tế, xã hội, các cơ quan Nhà nước và cá nhân đóng trên địa bàn kết quả đạt được chưa cao.

Việc quán triệt nhận thức các văn bản của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng địa phương của cán bộ lãnh đạo ở một số địa phương, cơ sở, các ngành, đoàn thể chưa sâu. Năng lực làm tham mưu của cán bộ chuyên ngành còn một số mặt hạn chế, đặc biệt là vai trò làm tham mưu kết hợp phát triển kinh tế xã hội với QPAN. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ Ban CHQS cấp xã qua đào tạo trình độ TC, CĐ, ĐH chuyên nghiệp ngành quân sự có huyện chưa sử dụng hết, chưa chủ động bố trí cán bộ qua xã khác trong huyện. Các huyện chưa chủ động đề xuất lộ trình đào tạo cán bộ Ban CHQS cấp xã, nguồn kế cận, nguồn bổ sung khi cán bộ Ban CHQS cấp xã phát triển lên cương vị cao hơn hoặc chuyển sang làm công tác khác.

Công tác chỉ đạo thực hiện Luật DQTV có nơi thiếu kiểm tra, đôn đốc, triển khai thực hiện chưa đồng bộ. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng ở một số cơ quan, đơn vị chưa cao, chưa nắm chắc tình hình địa bàn quản lý và chưa chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quân sự quốc phòng địa phương.

4. Đánh giá chung

Công tác triển khai pháp luật về DQTV trong điều kiện có những yếu tố khách quan, chủ quan chi phối; song, với sự cố gắng chung của cả hệ thống chính trị, đã đạt được những kết quả rất cơ bản, đó là: Cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã nâng cao nhận thức và ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện pháp luật về DQTV trong tình hình mới.

Công tác phổ biến pháp luật DQTV có nhiều đổi mới, trong đó chú trọng đến hình thức truyền hình, truyền thanh trực tiếp qua hệ thống Đài phát thanh - truyền hình tỉnh và Đài phát thanh các huyện, thành phố. Từ đó đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân lòng yêu nước, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia.

Luật DQTV đã góp phần nâng cao khả năng hoạt động tác chiến phòng thủ của DQTV, góp phần giữa vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho tỉnh phát triển kinh tế.

Phần thứ hai
TÁC ĐỘNG, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP CỦA LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ

Cấp uỷ, chỉ huy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện Luật DQTV một cách nghiêm túc, qua đó đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân.

Luật DQTV ban hành, chế độ chính sách của lực lượng DQTV được cải thiện, tinh thần, trách nhiệm được nâng lên rõ rệt; địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự đạt kết quả; bảo đảm xây dựng tốt nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đại bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang tỉnh nói chung và lực lượng DQTV nói riêng luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, thống nhất thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong tỉnh bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, tổ chức xây dựng lực lượng DQTV đạt số lượng và nâng cao chất lượng mọi mặt; công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập theo nội dung, chương trình quy định.

Cán bộ, đảng viên và chiến sỹ lực lượng DQTV của tỉnh xác định tốt nhiệm vụ, trách nhiệm trong công tác; phát huy tính dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác giáo dục chính trị, công tác vận động quần chúng và chính sách gia đình hậu phương quân đội. Chú trọng tham mưu xây dựng *"cơ sở vững mạnh toàn diện"* ngày càng tăng; quản lý chặt chẽ địa bàn và chủ động phòng, chống, không để xảy ra "điểm nóng"; tạo được lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và cơ quan, chính quyền các cấp. Xây dựng lực lượng dân quân thường trực, dân quân cơ động làm vai trò nòng cốt trong lực lượng DQTV của tỉnh.

II. VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP

1. Vướng mắc, bất cập trong hệ thống pháp luật về dân quân tự vệ và pháp luật có liên quan

Khoản 1, Điều 4 Luật DQTV quy định *"DQTV gồm DQTV nòng cốt và DQTV rộng rãi"* theo Khoản 6, Điều 5 *"DQTV rộng rãi là lực lượng gồm những công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV đã được đăng ký, quản lý để sẵn sàng mở rộng lực lượng và huy động khi có lệnh của cấp có thẩm quyền"*. Trong khi đó Điều 66 Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc

phòng sửa đổi và hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật khác đều sử dụng cụm từ *"dân quân tự vệ"*, không sử dụng cụm từ *"dân quân tự vệ nòng cốt; dân quân tự vệ rộng rãi"* dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong việc tổ chức xây dựng, huy động, sử dụng, bảo đảm chế độ, chính sách đối với DQTV rộng rãi. Mặt khác, việc giải thích cụm từ DQTV rộng rãi là chưa phù hợp, vì công dân chỉ được công nhận là DQTV khi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV và được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo chương trình, nội dung, thời gian huấn luyện quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Vì vậy, phải điều chỉnh về thành phần của DQTV để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng và thực hiện thống nhất.

Khoản 1, Điều 10 Luật DQTV quy định thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV nòng cốt 04 năm là chưa phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, cơ sở. Nên kéo dài thêm thời gian thực hiện nghĩa vụ đối với lực lượng dân quân biển, dân quân binh chủng và độ tuổi của nam là 50 tuổi, tự vệ đến hết 45 tuổi *(không quy định số năm phục vụ)*.

Điều 13 Luật DQTV quy định đăng ký lần đầu cho công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV vào tháng 4 hàng năm. Như vậy, tháng 4 hàng năm công dân vừa phải đăng ký nghĩa vụ quân sự, vừa phải đăng ký nghĩa vụ tham gia DQTV là chưa phù hợp, lãng phí thời gian, tốn kém kinh phí của địa phương, cơ quan, tổ chức và công dân. Nên sửa đổi quy định này theo hướng công dân đăng ký nghĩa vụ tham gia DQTV trên cơ sở kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.

Khoản 1, Điều 21 Luật DQTV quy định "Chỉ huy phó là cán bộ kiêm nhiệm" là không phù hợp với chức trách, nhiệm vụ và tính chất đặc thù hoạt động quốc phòng, quân sự. Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã là người chỉ huy các đơn vị dân quân thuộc quyền, phải thường xuyên nắm tình hình, tham mưu xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh ở cấp xã, thời gian làm việc không kể ngày đêm. Mặt khác, hiện nay các địa phương đều bố trí chỉ huy phó là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, không nên bố trí kiêm nhiệm. Điều 9 của Nghị định số 03/2006/NĐ-CP quy định Cấp xã loại 1, loại 2 được bố trí 02 Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã. Nhưng hiện nay không tổ chức thực hiện được vì vướng Nghị định 92/2009/NĐ-CP quy định cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách cấp xã.

Điều 13, Thông tư số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 quy định *"học viên tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở nếu có đủ điều kiện theo quy định thì được phong, thăng quân hàm sĩ quan dự bị theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan"*. Tuy nhiên, Luật DQTV, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam chưa quy định vấn đề này. Vì vậy bổ sung vấn đề này vào Luật DQTV sửa đổi là cần thiết để bảo đảm tính pháp lý cao hơn, phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Điều 21 Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cấp huyện tổ chức hội thi, hội thao cho lực lượng DQTV 01 lần/năm là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của lực lượng DQTV. Đề nghị quy định 03 năm tổ chức 01 lần.

Hướng dẫn 35-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương ngày 15/10/2009 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Quy định thành phần Đảng viên trong chi bộ quân sự còn quá mỏng, rất khó xây dựng chi bộ có cấp ủy theo chỉ tiêu nghị quyết của đảng các cấp, do vậy đề nghị nên bổ sung thêm đồng chí chủ tịch UBND cấp xã, lực lượng Dân quân cối 82mm, ĐKZ 82mm, 12,7mm và lực lượng dân quân biển *(nếu có)* vào sinh hoạt chi bộ.

Quy định về bảo đảm chế độ kinh phí đào tạo cho đối tượng đào tạo cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở tại Quyết định số 799/2011/QĐ-CP ngày 25/5/2011 của Thủ Tướng Chính phủ và Hướng dẫn số 1756/BCĐ-TM ngày 8/11/2011 của Ban Chỉ đạo – Bộ Tổng tham mưu chưa thống nhất *(Hướng dẫn số 1756/BCĐ-TM "định mức 21.000.000đ/học viên/năm" cao hơn Quyết định số 799/2011/QĐ-CP "định mức 17.850.000đ/học viên/năm")* nên việc bảo đảm kinh phí cho học viên vào nhập học không đúng với quy định của nhà trường.

2. Vướng mắc, bất cập do sự phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội, tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Kinh phí bảo đảm cho lực lượng DQTV hoạt động ở cơ sở còn khó khăn, có lúc phải cân đối từ các nguồn ngân sách khác. Chủ yếu chi trả cho lực lượng Dân quân cơ động khi thực hiện nhiệm vụ là chính. Do vậy, quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của lực lượng dân quân tại chỗ còn nhiều khó khăn về kinh phí.

Biên chế chức danh Chỉ huy phó quân sự cấp xã không có trong định biên cán bộ công chức cấp xã, vì vậy triển khai nhiệm vụ Quân sự quốc phòng địa phương khó khăn.

Phần thứ ba
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Điều 9 Luật DQTV quy định độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ trong thời bình đối với công dân nam từ 18 tuổi đến hết 45 tuổi là chưa phù hợp với lực lượng dân quân biển. Vì lý do lao động đặc thù, có đồng chí 60 tuổi vẫn còn làm nghề biển, nên kiến nghị tăng thêm 05 tuổi đối với dân quân tự vệ biển, nâng tuổi dân quân tự vệ biển lên 50 tuổi.

Điều 10 Luật DQTV quy định thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ nòng cốt trong thời bình là 04 năm. Không phù hợp đối với các đơn vị tự vệ nhà nước, vì đặc thù các cơ quan đơn vị nhà nước có quân số ổn

định, ít thuyên chuyển công tác, không có lực lượng bổ sung nên không có quân số luân phiên cho ra và kết nạp mới. Đề nghị kéo dài thời gian phục vụ trong lực lượng tự vệ với đối bộ phận này.

Điều 47, 48 Luật DQTV chưa quy định cụ thể việc hỗ trợ tiền ăn cho DQTV, dẫn tới việc thực hiện chưa thống nhất. Vì vậy cần điều chỉnh quy định này theo hướng bảo đảm tiền ăn cho dân quân trong thời gian làm nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay của đất nước.

Đề nghị Chính phủ và Bộ Quốc phòng hỗ trợ một phần kinh phí cho địa phương để mua phương tiện thông tin liên lạc cho lực lượng dân quân biển khi làm nhiệm vụ. Quy định chế độ bảo hiểm y tế cho dân quân thường trực và dân quân biển tập trung. Phối hợp với Bộ Nội vụ thống nhất, đề xuất với Chính phủ cho định biên Chỉ huy phó Ban CHQS cấp xã là cán bộ chuyên trách, hưởng theo chế độ công chức để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Tham mưu cho Ban Tổ chức Trung ương quy định lại thành phần Đảng viên sinh hoạt tại chi bộ quân sự cấp xã. Có văn bản thống nhất chung để tổ chức thực hiện Quyết định số 799/2011/QĐ-TTg.

Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DQTV cho phù hợp với hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam và pháp luật hiện hành.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện Luật DQTV của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Rất mong sự quan tâm theo dõi chỉ đạo của Quân khu, Bộ Quốc phòng và Chính phủ để UBND tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương trong thời gian đến./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Bộ Tổng Tham mưu/Bộ Quốc phòng;
- Cục DQTV/BQP;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5
- Phòng DQTV/Quân khu 5;
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ;
- Các Sở: Nội vụ, Tài Chính, Tư Pháp;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban DQTV/Bộ CHQS tỉnh;
- Ban CHQS các huyện, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(NC), TH, CB;
- Lưu: VT, NC.huy566

Phụ lục 1

DANH MỤC BAN HÀNH VĂN BẢN

LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VỀ DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Báo cáo số [illegible]/BC-UBND ngày 18 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Số văn bản	Thời gian phát hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1	18-NQ/ĐU	9/24/2012	ĐUQS tỉnh	Nghị quyết về xây dựng LL DQTV trong tình hình mới
2	16/2011/NQ-HĐND	7/22/2011	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết thông qua Đề án tổ chức lực lượng dân quân trực thường xuyên bảo vệ trụ sở Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015.
3	19/2011/NQ-HĐND	7/22/2011	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết về thông qua Đề án Đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015.
4	36/2011/NQ-HĐND	12/12/2011	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết về việc qui định chế độ, chính sách và phân cấp chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.
5	11/2013/NQ-HĐND	7/10/2013	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết về việc quy định mức đóng góp Quỹ QP-AN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
6	23/2016/NQ-HĐND	9/30/2016	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết thông qua đề án tổ chức lực lượng dân quân trực thường xuyên bảo vệ trụ sở UBND xã, phường, thị trấn (giai đoạn 2017-2020).
7	25/2016/NQ-HĐND	9/30/2016	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết thông qua đề án chế độ chính sách và phân cấp chi ngân sách cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
8	12-CTr-TU	7/14/2011	Tỉnh ủy	Chương trình thực hiện nhiệm vụ QP-QS địa phương nhiệm kỳ 2010-2015
9	892/CV-TU	3/21/2012	Tỉnh ủy	Công văn về việc tiếp tục thực hiện Kết luận 41-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX)
10	1389-CV/TU	12/15/2016	Tỉnh ủy	V/v đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ sau đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở
11	23/CT-UBND	12/24/2009	UBND tỉnh	Về việc tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2010.
12	545/UBND-NC	2/27/2010	UBND tỉnh	V/v tổ chức tuyên truyền kỷ nệm 75 năm ngày truyền thống lực lượng dân quân tự vệ (28/3/1935-28/3/2010).
13	3214/UBND-NC	10/29/2010	UBND tỉnh	Về việc tổ chức tuyên truyền, tập huấn triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ.
14	3508/ UBND	11/30/2010	UBND tỉnh	Về việc quán triệt tổ chức triển khai thực hiện Đề án xây dựng mô hình điểm, tổ chức huấn luyện, hoạt động và những biện pháp quản lý lực lượng DQTV
15	1795/UBND-QĐ	12/15/2010	UBND tỉnh	về viêc thành lập ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đề án xây dựng tổ chức huấn luyện, hoạt động và những biện pháp quản lý lực lượng DQTV.
16	11/QĐ-UBND	1/7/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc tổ chức lại tiểu đội Dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu các xã, thị trấn trọng điểm về quốc phòng-an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

TT	Số văn bản	Thời gian phát hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
17	705/UBND-NC	3/17/2011	UBND tỉnh	Công văn về việc tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về Dân quân tự vệ và công tác Dân quân tự vệ năm 2011.
18	1092/KH-BTC	7/15/2011	UBND tỉnh	Kế hoạch phân công các thành viên tham gia ban Giám khảo, ban Thư ký, ban Bảo đảm Hội thi tìm hiểm pháp luật về DQTV năm 2011
19	175/QĐ-UBND	9/21/2011	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt Đề án Đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015.
20	177/QĐ-UBND	9/21/2011	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt đề án "Tổ chức lực lượng DQ trực thường xuyên bảo vệ trụ sở UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015"
21	1474/QĐ-UBND	10/8/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ đạo đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và những năm tiếp theo.
22	1483/QĐ-UBND	10/12/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc mở lớp TCCN ngành QSCS khóa I cho cán bộ Ban CHQS cấp xã
23	01/QĐ-BCĐ	11/2/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đào tạo cán bộ quân sự
24	1640/QĐ-UBND	11/8/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 36/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng cơ sở VMTD để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ QP-AN trong tình hình mới
25	3793/CT-UBND	12/27/2011	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2012
26	307/QĐ-UBND	12/30/2011	UBND tỉnh	Quyết định về việc qui định chế độ, chính sách và phân cấp chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015.
27	272/QĐ-UBND	2/29/2012	UBND tỉnh	Quyết định về phê duyệt kế hoạch đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo
28	611/QĐ-UBND	4/23/2012	UBND tỉnh	Quyết định về việc mở lớp TCCN ngành QSCS khóa II (năm 2012-2013) cho cán bộ Ban CHQS cấp xã
29	1252/UBND-NC	4/26/2012	UBND tỉnh	Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Pháp lệnh công tác QP ở các bộ, ngành và địa phương
30	4401/UBND-NC	12/4/2012	UBND tỉnh	V/v đề nghị giao chỉ tiêu mở rộng lực lượng DQTV trong trạng thái SSCĐ, trạng thái QP
31	153/QĐ/UBND	12/6/2012	UBND tỉnh	Quyết định về việc thành lập bổ sung 3 a DQ thường trực SSCĐ tại các xã trọng điểm về QP-AN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
32	01/CT-UBND	1/2/2013	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2013
33	10/QĐ-UBND	1/4/2013	UBND tỉnh	Quyết định ban hành Kế hoạch tổ chức xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2013-2015).
34	836/UBND-NC	3/13/2013	UBND tỉnh	Về việc đề nghị hỗ trợ kinh phí bảo đảm đào tạo thực hiện Đề án 799
35	869/UBND-NC	3/18/2013	UBND tỉnh	Công văn về việc tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.

TT	Số văn bản	Thời gian phát hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
36	1078/UBND-NC	4/2/2013	UBND tỉnh	Công văn v/v tạm dừng tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 12 của Bộ Chính trị
37	483/QĐ-UBND	4/2/2013	UBND tỉnh	Quyết định về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 36/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng cơ sở VMTD để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ QP-AN trong tình hình mới
38	17/CT-UBND	12/31/2013	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2014
39	233/QĐ-UBND	2/25/2014	UBND tỉnh	Quyết định về việc thành lập 26 tiểu đội Dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu các xã, thị trấn trọng điểm về quốc phòng-an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
40	599/UBND-NC	2/25/2014	UBND tỉnh	V/v thực hiện đề án tổ chức, tuyên truyền, phổ biến tập huấn triển Luật giáo dục quốc phòng và an ninh
41	298/QĐ-UBND	3/7/2014	UBND tỉnh	Quyết định về việc mở lớp Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở khoá III (năm 2014-2015)
42	14/2014/QĐ-UBND	4/22/2014	UBND tỉnh	Quyết định về việc Ban hành Quy chế vận động đóng góp và quản lý, sử dụng Quỹ QP-AN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
43	09/CT-UBND	9/16/2014	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống lực lượng DQTV Việt Nam (28/3/1935-28/3/2015).
44	4086/UBND-NC	11/9/2014	UBND tỉnh	V/v triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh
45	12/CT-UBND	12/29/2014	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tập trung chỉ đạo thực hiện công tác QP-QS địa phương năm 2015
46	569/QĐ-UBND	10/25/2016	UBND tỉnh	Quyết định ban hành đề án tổ chức lực lượng dân quân trực thường xuyên bảo vệ trụ sở UBND xã, phường, thị trấn (giai đoạn 2017-2020).
47	571/QĐ-UBND	10/25/2016	UBND tỉnh	Quyết định ban hành đề án chế độ chính sách và phân cấp chi ngân sách cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
48	1034/UBND-NC	3/2/2017	UBND tỉnh	V/v tổ chức xây dựng tự vệ trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
49	1476/QĐ-UBND	8/11/2017	UBND tỉnh	Quyết định ban hành Kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2017-2020).

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, CHI BỘ QUÂN SỰ CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số [illegible]/BC-UBND ngày 18 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. SỐ LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

Năm	Dân số	Cơ sở			Tổng số				Nữ DQTV	
		Tổng số	Có tổ chức DQ	Có tổ chức TV	Tổng	Dân quân	Tự vệ	% so với DS	Số lượng	% so q.số
2010	1.337.102	340	184	156	19.988	17.354	2.634	1,49	1.380	6,90
2011	1.341.396	340	184	156	20.043	17.406	2.637	1,49	1.363	6,80
2012	1.220.511	341	184	157	18.291	15.654	2.637	1,50	1.433	7,83
2013	1.236.883	341	184	157	18.390	15.719	2.671	1,49	1.254	6,82
2014	1.240.479	341	184	157	18.545	15.858	2.687	1,49	1.417	7,64
2015	1.248.733	341	184	157	18.731	16.302	2.429	1,50	1.234	6,59
2016	1.283.001	335	184	151	19.063	16.383	2.680	1,49	1.472	7,72
6/2017	1.314.562	335	184	151	19.015	15.807	3.208	1,45	1.577	8,29

II. CHẤT LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

Năm	Đảng viên						Đoàn viên		Phục viên, xuất ngũ		Số chi đoàn
	Tổng số		Dân quân		Tự vệ						
	Tổng số	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Tổng số	%	Tổng số	%	
2010	3715	18,59	2630	15,16	1085	41,19	9846	49,26	862	4,31	183
2011	3908	19,50	2772	15,93	1136	43,08	10139	50,59	874	4,36	183
2012	3921	21,44	2750	17,57	1171	44,41	10060	55,00	870	4,76	183
2013	4056	22,06	2754	17,52	1302	48,75	10212	55,53	947	5,15	183
2014	4092	22,07	2772	17,48	1320	49,13	10474	56,48	959	5,17	184
2015	4192	22,38	2934	18,00	1258	51,79	11239	60,00	991	5,29	184
2016	4188	21,97	2943	17,96	1245	46,46	11391	59,75	1033	5,42	184
6/2017	4214	22,16	2894	18,31	1320	41,15	11583	60,92	1107	5,82	184

III. CHI BỘ QUÂN SỰ CẤP XÃ

Năm	Tổng số xã	Chi bộ quân sự			Tổ Đảng quân sự	Ghi chú
		Đã thành lập	Chưa thành lập	Tỷ lệ %		
2010	184	181	0	100,00	3	
2011	184	183	0	100,00	1	
2012	184	183	0	100,00	1	
2013	184	183	0	100,00	1	
2014	184	184	0	100,00	0	
2015	184	184	0	100,00	0	
2016	184	184	0	100,00	0	
6/2017	184	184	0	100,00	0	

Phụ lục 3

XÂY DỰNG TRỤ SỞ NƠI LÀM VIỆC RIÊNG CỦA BAN CHQS CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số [illegible] UBND ngày 18 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Năm	Tổng số cấp xã	Có trụ sở	Có nơi làm việc riêng	Chưa có nơi làm việc riêng	Ghi chú
2010	184	1	117	66	
2011	184	1	117	66	
2012	184	1	117	66	
2013	184	1	117	66	
2014	184	14	136	34	
2015	184	26	139	19	
2016	184	45	134	5	
6/2017	184	48	136	0	

Phụ lục 4

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG CÁN BỘ QUÂN SỰ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ; TẬP HUẤN CÁN BỘ, HUẤN LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 18 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG CÁN BỘ QUÂN SỰ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ TỪ NĂM 2010 ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2017

Mục	Nội dung	Số lượng *(lượt người)*	Ghi chú
1	**Đã, đang đào tạo**	**261**	
a	**Đã đào tạo**	**161**	
	Trung cấp	118	
	Cao đẳng	29	
	Đại học	14	
b	Đang đào tạo	**100**	
	Trung cấp	0	
	Cao đẳng	54	
	Đại học	46	
2	**Bố trí, sử dụng sau đào tạo**	**132**	
	Chỉ huy trưởng	54	
	Chỉ huy phó	36	
	Chức danh khác	5	
	Phát triển cao hơn	2	
	Nghỉ chế độ		
	Chuyển ra	3	
	Chưa bổ nhiệm	32	

II. TẬP HUẤN CÁN BỘ, HUẤN LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ

TT	Thời gian	Tập huấn cán bộ		Huấn luyện DQTV	
		Số lớp	Quân số	Cơ sở	Quân số
1	Năm 2010	21	1.415	340	15.581
2	Năm 2011	19	3.528	340	16.210
3	Năm 2012	19	3.506	341	13.754
4	Năm 2013	33	3.069	341	13.067
5	Năm 2014	23	3.286	341	13.468
6	Năm 2015	23	3.227	341	15.143
7	Năm 2016	23	3.083	335	15.035
8	Đến tháng 6 /2017	23	3.208	335	10.123
	Cộng	**184**	**24.322**	**2.714**	**112.381**

Ghi chú: Đã đào tạo liên thông CĐ, ĐH 29; Đang đào tạo liên thông CĐ, ĐH: 24

Phụ lục 5

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Báo cáo số 1[illegible]/BC-UBND ngày 11 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Năm	Đơn vị tính	Bảo vệ biên giới	Bảo vệ ANTT	Phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn	Phòng, chống cháy rừng	Công tác dân vận
2010	Lượt người		345	79	40	10.890
	Ngày công		345	482	40	10.598
2011	Lượt người		10.288	88	370	6.142
	Ngày công		10.288	222	770	5.933
2012	Lượt người		6.547	130	68	7.176
	Ngày công		6.547	163	163	6.150
2013	Lượt người		6.269	39	369	7.566
	Ngày công		6.269	39	776	9.200
2014	Lượt người	20	4.698	160	456	6.625
	Ngày công	600	4.698	210	993	9.997
2015	Lượt người		3.723	824	679	5.344
	Ngày công		3.723	1.636	1.050	5.946
2016	Lượt người		3.723	433	371	7.142
	Ngày công		3.723	743	738	8.750
6/2017	Lượt người	75	4.994	647	87	5.691
	Ngày công	75	4.994	647	87	5.691
Cộng	Lượt người	**95**	**40.587**	**2.400**	**2.440**	**56.576**
	Ngày công	**675**	**40.587**	**4.142**	**4.617**	**62.265**

Phụ lục 6

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 18 /9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng cộng
1	Phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị	3.426.321	5.214.079	6.224.492	6.749.064	7.408.166	7.410.048	7.404.528	8.150.947	**51.987.645**
2	Phụ cấp thâm niên của cán bộ Ban CHQS cấp xã		381.624	461.301	600.299	729.000	729.000	729.000	729.000	**4.359.224**
3	Phụ cấp hàng tháng của CHP Ban CHQS cấp xã		1.708.200	2.111.520	2.671.200	2.608.200	2.608.200	2.677.200	2.787.840	**17.172.360**
4	Chế độ trợ cấp 1 lần đối với CHP Ban CHQS cấp xã									
5	Chế độ BHXH của CHP Ban CHQS cấp xã									
6	Phụ cấp hàng tháng của thôn đội trưởng		4.734.000	6.524.916	6.961.500	7.624.500	7.624.500	7.624.500	8.261.880	**49.355.796**
7	Phụ cấp đặt thù quốc phòng quân sự		1.379.025	1.723.927	1.933.806	1.957.566	1.957.566	1.957.566	2.161.084	**13.070.540**
8	Trợ cấp ngày công lao động	2.561.991	4.573.420	5.199.916	10.608.696	9.697.628	11.619.048	11.119.488	12.058.279	**67.438.466**
9	Hỗ trợ tiền ăn	2.505.525	2.349.360	2.897.544	5.051.760	4.532.587	5.683.520	5.438.880	5.854.743	**34.313.919**
10	Các chế độ chính sách khác									
11	Tổng kinh phí bảo đảm cho DQTV từ năm 2010-2017	**1.189.090**	**1.647.860**	**15.728.940**	**24.553.719**	**30.396.018**	**25.885.969**	**32.272.523**	**17.919.632**	**149.593.751**
a	Bảo đảm tổ chức huấn luyện, hoạt động, thực hiện chế độ chính sách	624.000	1.484.900	1.725.940	2.531.940	3.272.185	3.356.030	3.457.820	3.490.750	**19.943.565**
b	Kinh phí xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS cấp xã	500.000				15.600.000	10.800.000	17.100.000	2.700.000	**46.700.000**
c	Kinh phí xây dựng chốt dân quân thường trực									
d	Kinh phí bảo đảm trang phục dân quân tự vệ	65.090	162.960	14.003.000	22.021.779	11.523.833	11.729.939	11.714.703	11.728.882	**82.950.186**
	Tổng cộng	**9.682.927**	**21.987.568**	**40.872.556**	**59.130.044**	**64.953.665**	**63.517.851**	**69.223.685**	**57.923.405**	**387.291.701**